

Bản án số: 129/2017/HNGĐ-ST

Ngày 27-12-2017

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Thụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 171/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2424/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phùng Quang N, sinh năm 1984, cư trú tại: Canada. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Phương L, sinh năm 1988, địa chỉ: Số nhà 1 ngõ 86 đường P, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại các bản tự khai nguyên đơn là anh Phùng Quang N trình bày: Anh và chị Lê Thị Phương L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 25/7/2008. Sau khi kết hôn anh N quay trở về Canada sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng có thường xuyên liên lạc nhưng sau ít dần. Do khoảng cách về địa lý, mỗi người một nước khác nhau nên vợ chồng không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt dần. Vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng về quan điểm, lối sống. Nay hai bên cùng xác định không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các bản tự khai và trong toàn bộ quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là chị Lê Thị Phương L trình bày thời gian kết hôn, quá trình chung sống và vấn đề con chung, tài sản chung thống nhất với trình bày của anh N. Chị L cũng nhất trí yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Phùng Quang N và chị Lê Thị Phương L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 25/7/2008. Theo các quy định của pháp luật đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh N và chị L cùng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị nên theo khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Chị L và anh N đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, anh N quay trở về Canada sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng có thường xuyên liên lạc nhưng sau đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ít liên lạc dần. Hai bên đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả, anh N cũng không làm thủ tục bảo lãnh cho chị L cùng sang Canada được. Nay cả hai bên xác định không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy việc chị L và anh N cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là hoàn toàn chính đáng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời việc xin ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N, chị L.

Về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh N và chị L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Quang N được ly hôn chị Lê Thị Phương L.

2. Về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phùng Quang N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010551 ngày 04 tháng 12 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

- Anh Phùng Quang N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận bản án hợp lệ

- Chị Lê Thị Phương L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự để thi hành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, BPHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Thụ